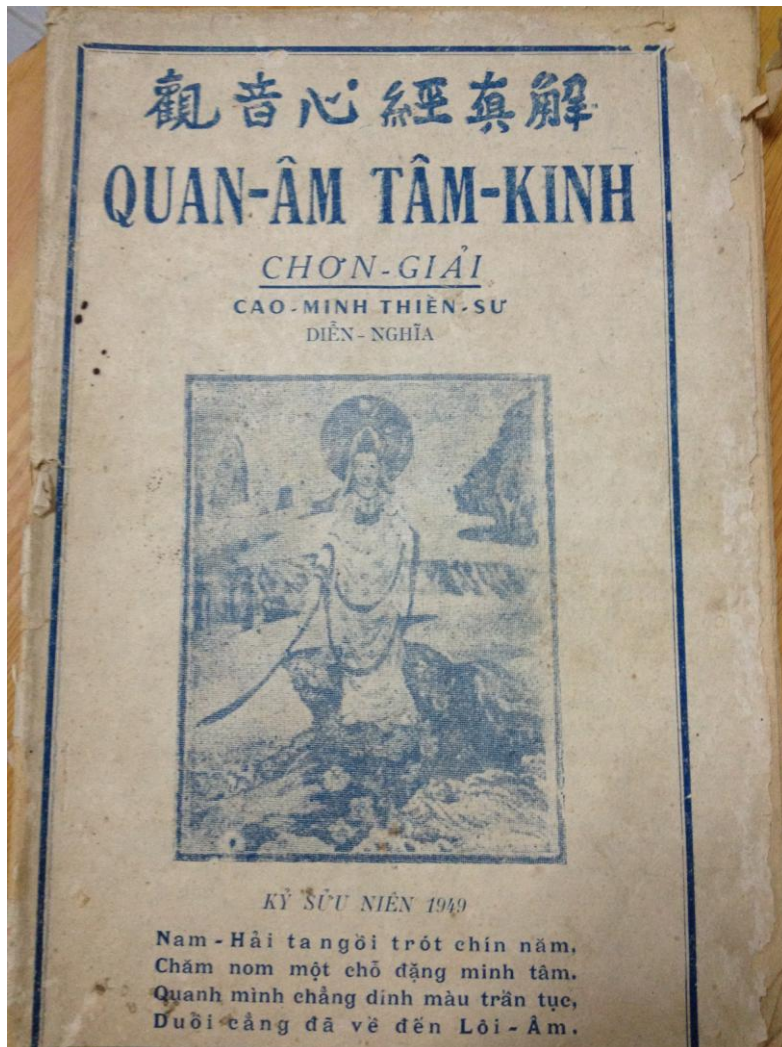


QUAN-ÂM TÂM-KINH Chơn Giải



Chúng tôi nhận được bản soft copy “*Quan Âm Tâm Kinh Chơn Giải*” là nhờ cô Ngô Mỹ Hạnh ở Biên Hòa đã bỏ công copy và gửi cho chúng tôi. Nhận thấy giá trị quý báu của quyển Kinh, chúng tôi phát nguyện đánh lại vào máy vi tính để có thể đưa lên mạng phân phát cho mọi người cùng đọc và tìm hiểu.

Vì đánh máy lại nên e rằng không tránh khỏi được những lỗi lầm. Xin quý vị đọc giả niệm tình tha thứ và đồng thời xin chỉ bảo những chỗ sai lầm để chúng tôi có thể sửa chữa và bổ túc.

Xin chân thành cảm tạ,

Viễn Lưu, Aug/1/2014.

Email: vienluutd@yahoo.com

--oOo--

LỜI TỰA:

Từ ngày ta đăng lời khải khuyệt của đức Thế-Tôn thì ta trở qua tại Nam-hải, rừng Trước-lâm, ở đó đăng chín năm, bây giờ đạo đã thành, Công-viên quả-mãn, ta trở về chùa Lôi-âm ra mắt đức Như-Lai, giờ đó có đủ mặt các vị bồ-tát, Thịnh-văn, Duyên-giác, La-hán. Ta đem các chơn lý nhà Phật, chỉ có một không hai pháp môn, giảng giải dứt lời, các vị bồ-tát đồng thời đưa tay lên xưng tụng: A-di-đà-Phật, lành thay, lành thay! Đến ta cũng chấp tay đưa lên đại nguyện như vậy: “Tôi nguyện làm sao cũng phải độ tận chúng sanh, đồng đăng bỉ ngạn”. Ý lời ta nói đó là tấm lòng quá thương chúng sanh, chớ biết làm sao độ hết choặng. Bởi vậy ta viết ra một quyển tâm kinh để lưu truyền cho người đời sau coi theo đó mà tu hành, nhưng vì kinh điển huân áo huyền vi, nghĩa lý sâu xa màu nhiệm, người đời sau giải nghĩa không nương theo trong kinh, chỉ dẫn không trúng diệu lý của nhà Phật, nếu người không có học nho đem văn chương mà giải không sao sáng đặng chỗ diệu

huyền của đạo, từ đó nhỏ xuống đến sau, nhiều nhà cao tăng đại-đức, thích giải thêm bớt vẽ vời làm mất chơn-ly. Dĩ ngoa truyền ngoa làm cho đại địa chúng sanh phải đắm chìm nơi bể khổ. Thương thay tiếc thay, chín mươi sáu ức chơn linh nhắm mắt nhảy vào trong đường lục đạo, thế cũng khó độ hết cho đặng. Than ôi! Cho nhơn sanh cứ lấy cái khổ làm vui, cũng bởi ham miếng đỉnh-chung, mùi phú-quí, nào là thể-ân từ-ái, bốn vách không chừa, mặc dầu tửu-sắc, chẳng nhớ chút lành, tạo nghiệp oan gia, chẳng chừa việc dữ. Đời càng ngày càng qua, bóng quang-âm như nhắm mắt, thì chánh pháp sắp phải điêu tàn, thịnh âm càng ngày càng thịnh. Tiếc thay, chín mươi sáu ức chơn linh ở đâu cũng còn y đó không giải thoát một người. Qua đến nhà Đại-Thanh vua Càn-Long năm thứ ba mươi, ta giả người đi đến Quan-Âm-các, trong đó có một vị tăng nhơn xưng quyền Quan-Âm Tâm-Kinh, ta xem một hồi, thấy chỗ giải nghĩa phần nhiều sai lầm, làm mất chơn lý, giải nghĩa chỉ bề ngoài, nhiều lời nói mộng huyền, hãy còn chấp tướng chấp không, vọng tưởng hình sắc, chẳng chút chơn-tâm, làm cho sanh linh nhiễm về sắc tướng. Khá thương thay! Rồi ta kêu Thường-Lạc-Tử mà nói :”Nè, quyền tâm kinh này chính thật là của ta, nay ta giải nghĩa lại cho người, ta giải từ chữ từ câu, chỉ chỗ huyền bí, chỗ diệu-đề, chỗ nào hạ-thừa, câu nào trung-thừa, đến đâu thượng-thừa. Thôi, người hãy coi theo đây phải ghi lòng. Ta thấy người có căn lành tìm đến mà truyền pháp, còn người cần phải độ người đặng lập công bồi đức.

Nè Thường-Lạc-Tử, trong kinh có câu: **Đạo tuy hồng phi kỳ thời bất truyền, đạo tuy hồng phi kỳ duyên bất giáo.** Nghĩa là: Đạo tuy mở cửa rồi chẳng phải thời kỳ cũng chẳng ra đời, đạo tuy mở cửa rồi mà người chẳng có duyên lành cũng chẳng dạy.

Có câu: **Sương lộ tuy cam, bất sái vô căn chi thảo.**

Nghĩa: Nước mù sương tuy ngọt, chẳng tưới sống cây cỏ không gốc.

Người không có căn lành có dạy cũng không nên. Thôi phân người phải lo tu tập làm sao cho đặng gặp ta mới giỏi.

Hãy nghe bài kệ này:

**Tâm-kinh chơn-giải thật huyền-vi,
Chánh-Pháp cao siêu ít chỗ bì
Học đạo hỏi người nên hiểu thấu,
Tây-Phương bên cạnh chớ hồ-nghi.**

Kệ rồi bước lên đám mây lạnh ngũ sắc bay qua hướng Tây như chớp nhoáng không còn thấy tông tích nữa.

Thường-Lạc-Tử thấy vậy liền quì xuống lạy: A-Di-Đà Phật.

Giây phút đứng dậy thấy quyển Tâm kinh chữ nghĩa tinh vi như cuốn kinh mới viết. Thường-Lạc-Tử thấy vậy viết thêm hai chữ Chơn giải, đời sau mới kêu là Quan-Âm Tâm kinh Chơn giải.

Từ đó đến sau, Thường-Lạc-Tử đem quyển Tâm Kinh phổ thông cho người, trong đó có nhiều người đặng như là: Tinh Mộng đạo nhơn, Giác-chơn Tử, Vô-Cầu Tử, Không-cốc Thiền-Sư, Trí-giác Thiền-Sư, Vô-Tâm Thiền-Sư, Hải-Nguyệt Thiền-Sư đều được quyền Tâm-Kinh, đắc thành Chánh giác.

Từ đây Thường-Lạc-Tử tầm chỗ không người ngồi tu chẳng bao lâu cũng đặng kết quả. Thường-Lạc-Tử nhớ lời Phật dặn phải ra độ người lập công bồi đức, nay đạo đã thành song phải tu thêm đức hạnh, ý muốn Ta bà khắp trong thế-giới, để tâm kẻ có căn lành rước người qua khỏi bể.

Có bài kệ rằng:

**Muốn tâm công đức chẳng nài xa,
Bốn biển ngao du ý Ta-bà,
Gói tuyết nằm sương thân chẳng quản,
Màn Trời chiếu Đất phi lòng ta.**

Kệ ròi: Thường-Lạc-Từ ra khỏi Quan-Âm-Các, vừa đi vừa suy nghĩ cho người đời vì lâu hồng cửa tía, xe ngựa ngổ ngang mà quên lần cái xác thân này không chắc.

Có câu: Phú quý như huê thượng lộ,
Công danh hư thảo thượng sương;
Dĩ khổ trung vi lạc.

Nghĩa là: Việc giàu sang như tuyết dính cành hoa. Còn chữ công danh như mù sương đeo ngọn cỏ nào có chắc gì. Đó là lấy cái khổ làm vui.

Có câu: Chi sanh ư u cốc thi vi giữ thể,
Lan trường ư thâm lâm hệ thi hàm kỳ-hương.

Nghĩa là: Cỏ chi mọc trong hang tối; ai có biết đâu mà hái, cỏ lan mọc dày trong rừng sâu nào ai hửi đặng mùi thơm.

Nói rồi ngâm bài kệ như vậy:

**Tấc bước Ta bà kể tại đây,
Mặc cho Nam Bắc với Đông Tây;
Đói ăn liệt mẽ trong mình sẵn,
Khát uống huỳnh tương cũng đủ say.**

Kệ ròi mang gói nhắm hướng tây đi tới.

--oOo--

QUAN-ÂM TÂM-KINH **Chơn Giải**

BỔ-KHUYẾT TÂM-KINH

Hai chữ **bổ khuyết** chẳng phải mình tụng kinh này kinh kia, tụng rồi bổ khuyết lại đâu.

Không, không phải vậy, mình có tụng trật chữ hay là thiếu chữ thời thôi. Đem kinh này bổ lại kinh khác sao đặng.

Câu bổ-khuyết tâm-kinh như vậy:

Bổ là bổ chỗ nào khuyết, chỗ nào hư mới bổ nó lại, bây giờ mình phải tính coi chắc chữ Tâm-khuyết. Chữ **Tâm-Kinh** là con đường đi vào trái tim. Tại sao nó khuyết? Chỗ khuyết này cũng có duyên cớ.

Mỗi đơn thơ trong Tam-giáo có câu:

Nhơn chi sơ tánh bản thiện.

Tánh tương cận tập tương viễn.

Người sanh hồi buổi đầu cái bản tánh lành chẳng chút nào chẳng lành, hồi mới thì còn gần việc lành, rồi một ngày một xa lành mà gần dữ, chừng đó: **Khí bầm sơ câu, vật dục sở tế**. Chừng lớn khôn thì cái khí bầm nó câu thúc. Lòng vật dục nó che trùm cái bản tánh. Trước kia tâm tánh thấy nhau bây giờ cái Tâm sanh lòng vật dục bao trùm bản tánh làm cho bản tánh xa nhau. Thời cái Tâm sanh muôn ngàn chuyện, không còn ai ngăn cản, làm cho cái tâm khuyết, cái sắc thân ta phải gầy ốm. Nay mình muốn cho sắc thân khỏe mạnh thì bỏ cái tâm vật dục cho nó yên tịnh. Đó là bổ khuyết.

Bổ chỗ nào hư đặng như vậy thì cái sắc thân tráng kiện chẳng sợ quỷ vô thường đến. Từ đó mình dẹp đặng thất tình lục dục, thời cái bản tánh không còn ai che đậy nữa, cái tâm mới tịnh, tâm tịnh là thấy tánh, thấy tánh là thành Phật. Còn các người tụng kinh nào là: Tam-Tạng, Lăng-Nghiêm v.v.. Tụng rồi lấy Tâm-kinh bổ lại kêu là bổ khuyết. Các người bổ khuyết cách đó ít ngày nó rách hết ba cuốn kinh, lại tốn tiền mua công mua kinh khác thật là hại thay. Hãy nghe bài kệ này:

**Tâm hư lấy giấy vá sao lành,
Nhận giặc làm con thế cũng đành.
Mặc sức dọc ngang trên bề khổ,
Tha hồ sắc tướng, ý tung hoành.**

--oOo--

QUÁN TỰ TẠI: “**Nãi minh chỉ u chí thiện, cứu cảnh xuất tánh chi đạo**” Câu: Quán tự tại nghĩa là: Sáng biết chỗ gốc lành, lại rõ thấu nẻo huyền vi chứng đạo.

BỒ-TÁT: Bồ giả, giác giả, tát giả, tánh giả. Vị Bồ Tát là người giác tánh. Có câu “**Nhơn năng giác ngộ chơn tánh, tự năng minh giác chơn giả, thiên đàng lộ khai, địa ngục lộ bế**”. Nghĩa là: Người đặng hiểu biết cái chơn tánh, biết việc chơn giả thì thiên đàng mở cửa, cửa địa ngục đóng lại. Đó là nghĩa Bồ Tát.

HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT: Chữ **hành** là đi, chữ **thâm** là sâu, phải đi xuống cho sâu đến thuyền bát nhã, trong thuyền bát nhã có đựng nước ba-la-mật. Chữ **ba** có chấm thi bằng, một bên thì chữ bi là nước ở trên mặt, thành chữ **ba** là sóng. Ông Vô-Câu-Tử nói: **Ngoại thủy vô ba tạng ba thị thủy**. Nghĩa là: Ngoài nước không bao giờ có sóng, trong sóng đều là nước, bởi chấm thi bằng là chữ thủy (nước). Chữ **la**, chữ tứ (bốn) ở trên, chữ vi ở dưới nghĩa là: Tứ vi thượng hạ, bốn phía bao trùm nước lại. Chữ **mật** trong đó có chất đường, mùi ngọt hòa vào nước ba-la, người tu đi xuống đến thuyền bát nhã đem nước lên mà dùng, sau này thành ra nước cam lồ.

Hai chữ hành **thâm hạ-thừa**, con số ba, phàm người **tu đơn** phải minh bạch hành thâm bát nhã ba-la mật-đa công phu. **Nãi thị nam san tinh hoa chi hỏa, nhi luyện bắc hải thủy trung chi kim**. Nghĩa là: lấy lửa núi nam đem xuống biển bắc, trong biển bắc có kim đơn, thuốc này là thuốc trường sanh. Có câu: **Hắc hổ hưng ba xuất hải, xích long giá hỏa ly sơn**. Nghĩa là: Cọp đen nung sóng qua biển, rồng cỡi lửa khỏi núi, chỗ này kêu là giáng long phục hổ.

Cổ viết hành thâm đây là hạ thừa số bốn, số hồi quang phản chiếu.

Chữ đa, đa giả, quán giả, chúng giả. Đa nghĩa nhiều vậy rộng vậy, đông vậy. Đó là trong mình ta có ba trăm sáu mươi lăm lóng xương, bốn muôn tám ngàn lỗ chơn lông để nuôi xác thân này. Có một thành ra muôn, muôn trở về một. Cổ viết: đa giả. Một chữ đa nhiều nghĩa như vậy.

Công-phu. Chữ **Công** là thợ, chữ **phu** là đũa. Nghĩa là: Đũa thợ sửa máy tạo hóa, như cái xác thân ta mặc dầu chịu khí huyết của cha mẹ mà hấp thụ âm dương trong cái không mà thành ra cái có, đó là cái máy thiên nhiên của tạo hóa. Song vì có máy mà không có thợ sửa để máy hư hoại.

Sau đời quá khứ, Tam giáo thương nhơn sanh chìm đắm biển sanh tử. Bởi vậy mỗi nhà đều có viết kinh, viết sách để lại cho người tầm lấy mà tu.

Chữ tu cũng nghĩa: sửa, sửa là sửa cái máy tạo hóa lại mà xài, không ngờ nhơn sanh thấy hai chữ **Công-phu** tưởng là Phật dạy đến giờ tụng kinh, kêu là Công-phu.

Không, không phải, chữ Công là thợ, chữ phu là đũa mới phải đúng. Thôi hãy nghe bài kệ này:

KỆ RẰNG: **Bồ-Tát nguyên lai trụ pháp đài,
Càn khôn nhứt phá lưỡng phân khai.
Năng tri hồi thủ qui nguyên vị,
Phá cảnh trùng vi dưỡng thánh thai.**

HỰU QUỐC ÂM:

Bồ-Tát xưa kia ở pháp đài,
Thuở hồi trời đất mới phân khai.

Nếu biết hỏi đầu về ngôi cũ,
Ngày đêm thanh tịnh dưỡng thánh thai.

THỜI: Thời già nãi ngôn thể dược chi hỏa hầu. Thời là nói hái thuốc, người tu đơn muốn hái thuốc phải biết thời giờ, mùa, tiết. Nhớ giờ nào thuốc lên, giờ nào thuốc xuống, thuốc phải biết thanh-trực. Có câu: **Minh bạch hỏa hầu tiêu trưởng, dược miêu lão nọn cang nhu tấn thối phối hiệp chí khuyết.**

Phàm người tu đơn hiểu biết lửa hỏa hầu nhiệt ít, nấu thuốc biết non già, biết ngày nào thuốc phối hiệp, nếu hái thuốc không đúng giờ, dùng không đúng. Lửa nhiều không đúng, ít không đúng. Thuốc non chưa tới thì nó chảy ra ngoài lỗ mũi, còn già quá thì nó khô, cũng dùng không đúng.

Ông Giác-Chơn-Tử nói: Đường ngàn dặm cũng phải tầm ông minh sư, khẩu khẩu tương truyền mới dám ngồi luyện đơn. Chẳng phải biết chữ coi sách mà làm càn. Khó lắm.

Có câu: **Nhứt dương sơ động thị huyền quang.** Chỗ nói một khí dương mới động ở huyết huyền quang, hái thuốc là chỗ này. Chỗ một khí dương sanh tại giờ tý, có một giờ này là thanh. Giờ tý cửa huyền quang mở, có đường lên nê-hườn, các giờ khác không có đường. Cửa đóng lại hết.

CHIẾU KIẾN: Chữ **chiếu kiến** nghĩa là: Soi sáng xuống sâu tự nhiên thấy bốn lai chơn diện mục, nghĩa là thấy cái bốn tánh hỏi buổi đầu.

NGŨ UẨN GIAI KHÔNG: Nghĩa là: hãy làm sao cho năm uẩn đều trống không. Chữ ngũ uẩn tức là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bây giờ ta muốn năm uẩn đều không, phải lấy chữ pháp, là dùng cái chánh pháp đúng đẹp năm chữ:

sắc, thanh, hương, vị, xúc. Không cho năm chữ này nhiễm việc ngoài mình, thời cái bốn tánh sáng suốt trong sạch. Từ đây thức thần đã tuyệt, lòng vật dục không còn sôi nổi, ngươn thần mới hiện ra, tự nhiên trở vào bầu vô-cực tròn tròn, sáng sáng không dính bụi trần.

Điểm linh quang trở về khí tiên thiên, không còn ở trong vòng hậu thiên nữa.

ĐỘ NHỨT-THIỆT KHỔ-ÁCH: Đến đây mình đã dẹp sạch lòng phàm, dứt bỏ việc ngoài mình, mới ra độ người trong biển khổ. Mới nói độ-nhứt-thiệt-khổ-ách đúng, đó là mình sửa mình cho trong sạch, năm uẩn đều không, là quá mãn, độ người ta mới đúng. Còn mình sửa mình chưa xong, làm sao độ người.

Ôi! Biển khổ không bờ, muốn qua chẳng dễ, như mình muốn qua cho đến bờ bên kia, ít nữa mình phải đóng một chiếc ghe mới, bươm, lật cho chắc chắn, mình qua bên bờ rồi hãy kêu những người lành mà nói: Có ghe đậu chờ mấy anh đây, cứ việc xuống ghe mà qua, không còn nghi ngại nữa.

Ôi! Chiếc ghe gì vô nước hết sức, bươm lật mục hết mà ru người ta xuống cho đông, đó là hại người ta. Cái ách của mình gỡ còn không đúng, mong gì gỡ ách cho ai.

Đến đây là thượng-thừa, số mười hai: Thất nhục thể dương tinh, làm đại châu thiên, thôi hãy nghe bài kệ này:

**KỆ RẰNG: Thể dược tâm chơn các hữu thì,
Tu cầu hoảng hốt địa lôi thì;
Nhứt lạng kiều nguyệt duy trì chiếu,
Ngũ uẩn giai không chánh hảo kỳ.**

HỤY QUỐC ÂM:

Biết giờ hái thuốc mới là chơn,
Sấm nổ rền tai ý chẳng sờn;
Cung thiềm mặt nguyệt đều chiếu sáng,
Năm uẩn trống không mới kết đơn.

XÁ-LỢI-TỬ: Tức là kim đơn chi biệt danh.

Khổng Tử nói: Cửu khúc minh-châu. Thích gọi Mưu-ni
bửu-châu. Lão-Tử nói: Liệp mẽ huyền châu. Đó tam giáo
kêu chẳng đồng nhưng nghĩa có một vậy.

Quý hiền đã từng xem kinh, cũng nhiều nhà cao-tăng đại-
đức giải nghĩa kinh tam giáo, ba nhà đều nói trong mình ta
có một món rất quý báu sao không thấy ai lấy ra mà dùng?
Để nói bằng miệng: Nào liệp-mẽ, mưu-ni, cửu-khúc. Nói
hoài rồi có ích lợi chi cho mình không? Như tam giáo có
nói: Cửa báu thì ta phải ráng công tâm choặng, có đâu để
nói bằng miệng hoài.

Thích nói: **Tâm-địa pháp môn phi khẩu thiết**. Nghĩa là
tâm địa là bản tâm, chỗ pháp môn chẳng phải đem ra bàn
luận ngoài miệng.

Đạo nói: **Tâm địa hạ công tàn phao thế sự**. Nếu mình
muốn đặng, phải công phu luyện kỹ thì bản tâm sáng suốt,
là đến chỗ.

Nho nói: **Thuyết bất như hành, hành bất như đạo**.
Nghĩa là: Nói chẳng bằng làm, đi chẳng bằng đến chỗ.

Nho nói: **Thế thượng vô nan sự, đô lai tâm bất chuyên**.
Nghĩa là: Trên đời không có chi khó, bởi tại lòng mình
không ham muốn. Hạt xá lợi đây nè, hạt xá lợi đựng trong
hộp kiếng ở giữa mình ta đã lâu rồi, bụi đen đóng đen thui,

đứng gần chẳng thấy bốn tấm kiếng. Bốn tấm kiếng là tứ
tướng, vì nó mà làm bụi dính đầy, bây giờ làm sao rửa cho
thật sạch.

Nho nói: **Nhứt nhứt tam tỉnh ngô thân**, dễ lắm mỗi ngày
mình phải ngồi xét mình ba lần, xét hoài, xét chừng nào
không còn một chút tội lỗi, thời trong bốn tấm kiếng đã sạch
hết bọt nhờn, thì tự nhiên thấy hạt xá-lợi nằm ở trong hào
quang chiếu sáng muôn trùng bấy giờ mình lấy nó ra mà
dùng. Nhưng khoan không được làm càn. Bốn phía không
có cửa, phía trên có một cửa có chìa khóa. Chỗ này kêu là:
Thượng-thước-kiều hay là linh đài, linh sơn.

Đạo tâm có một đường nhỏ đi qua nê-hườn; mở cửa tại nê-
hườn, hạt xá-lợi tự nhiên bay lên, chỗ này Đức Thế-Tôn có
truyền lại cho hai mươi tám tổ ba chữ: Thân, phóng, tâm.
Thân là: nhập định, phóng là xuất định, khi ra khỏi tam giới
trong nháy mắt, chừng nhập về thì ở đường đạo tâm mà tới.
Đến đây là thượng thừa số mười lăm.

SẮC BÁT DỊ KHÔNG, KHÔNG BÁT DỊ SẮC: Chữ sắc
chẳng lạ gì chữ không, chữ không chẳng lạ gì chữ sắc. **Sắc
không giả nãi tam quang dĩ khai, cửu khiêu thông đạt**.
Người hành đạo đến đây ba ai đã mở chín lỗ soi trông, chỗ
này đem tây-gia nữ là người con gái mặc áo xanh cỡi thanh
long. Đông-xá-lang là người con trai mặt trắng cỡi cạp
bạch. Đến đây rồng cạp gặp nhau, diên hồng hòa hiệp, đồng
thời nhảy vọt ra ngoài lại bị Huỳnh bà dẫn vào lò tử phủ.

Đây là tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, đem vào chơn ý.
Chơn ý thuộc mờ kỹ thổ, đến đây âm-dương hòa hiệp, giao
cấu tại huỳnh phòng tự nhiên mờ mờ, mịt mịt, phới phới,
nhẹ nhẹ như hồi hồn độn chưa phân. Giây phút mây tan gió
tạnh thì hiện ra một vật, tức là kim đơn. Đây là chỗ làm

Phật, Thánh, Tiên, mới thành thai dựng. Ngọc hoàng tâm ấn kinh có nói: Hoảng hoảng, hốt hốt, yếu yếu, minh minh. Cổ viết: Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Đây là thượng-thừa dưỡng anh nhi số mười ba.

KỆ RẰNG: **Xá lợi bửu châu thể hãn hi,
Bất sanh chi nội dưỡng anh nhi;
Bổn lai diện mục chơn như tượng,
Tự hữu tán vô báu thậm kỳ.**

HỤU QUỐC ÂM:

Hạt châu xá lợi rất huyền vi,
Mật mờ không sắc dưỡng anh nhi;
Mặt mày thiệt giống không sai một,
Muốn có cùng không cũng lạ kỳ.

SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC: Sắc là cái không, không là cái sắc. Bởi ông Giác-Chơn-Tử nói: **Trung hư hữu thiệt, không lý kiến chơn.** Nghĩa là: Trong cái hư ắt có cái thiệt, trong cái không ắt có cái chơn chánh. Chỗ này là diệu cảnh của đạo.

KỆ RẰNG: **Sắc không, không sắc, thị nan tâm,
Dục tận luân hồi chuyển đạo tâm;
Tứ tướng hiệp hòa qui mô kỹ,
Hỗ xuất sơn đầu kiến long ngâm.**

HỤU QUỐC ÂM:

Sắc có không hình thiệt khó tâm,
Muốn khỏi luân hồi dưỡng đạo tâm.
Phải mượn huỳnh bà thân bốn gã.
Cọc ra khỏi núi thấy rồng ngâm.

THỌ TƯỚNG HÀNH THỨC: Thọ giả đắc thọ giả. Chữ thọ là vung chịu lời thầy truyền pháp, tưởng giả mặt vậ

giả. Chữ tưởng này không phải là vọng tưởng. Phải nhắm mắt lại ngó xuống cung huỳnh đình, vận hơi đi khắp châu thiên. Chữ thức là biết. **Thức giả tri kỳ đạo chi vị giả.** Biết là biết mùi đạo, người tu cần phải học kinh cho hiểu nghĩa lý trong kinh mới biết mùi đạo nó thơm, nó ngon, quý báu không cùng.

Đạt-Ma Tổ-Sư có nói: **Học giả bất khả nê văn tự.** Kẻ học chẳng khá cố chấp chữ nghĩa và lời nói. Phải tâm hiểu là đủ. Kinh Lăng-Nghiêm nói: **Đạo năng thuyết tu đương tự ngộ.** Nghĩa là: Đạo khó nói, khó bày ra ngoài, để mình hành đạo thì biết.

Pháp khả truyền, đạo bất khả truyền. Pháp thì khá nói đặng thuyết pháp. Còn đạo thì chẳng truyền đặng, hễ được truyền pháp rồi ngồi hành đạo tự nhiên thấy, bởi nói người nào uống nước, nóng hay nguội thì người ấy biết, người ngoài làm sao biết đặng.

DIỆC PHỤC NHƯ THỊ: Nếu hồi đầu trở lại chỗ lành là phải vậy, hạ thừa số năm (nuôi thần).

KỆ RẰNG: **Thọ tướng hành thức đạo vi trường,
Tam dương nhứt chuyển vạn huê sương;
Kim sanh ư thủy nhi sanh mẫu,
Nhứt lã linh đơn thấu thượng phương.**

HỤU QUỐC ÂM:

Đặng lời khẩu khuyết thật diệu huyền,
Ba báu gom về luyện hồng diên.
Kim thủy cùng sanh như con, mẹ
Minh châu một hạt chiếu cung tiên.

XÁ-LỢI-TỬ: Tại sao nhắc câu Xá Lợi Tử hoài, cái trên thì nói về chữ sắc, còn câu này nói về chữ tướng.

THỊ CHƯ PHÁP KHÔNG TƯỚNG: Người tu muốn đạt được hạt xá lợi, các tướng pháp đều không. Phật nói: **Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.** Phàm việc chi mà có tướng thì cũng đều hư vọng.

Kim-Cang nói: **Nhứt thiết hữu vi pháp như mộng huyền bào, ảnh.** Cả thấy pháp hữu vi cũng như một giấc chiêm bao, thấy bóng mà không chắc chắn chút nào, cũng như người đi coi hát bóng trên sân khấu, tuy là múa men mau lẹ, chừng nó thôi hát xem lại thì chẳng có điều chi hết. Người tu làm tướng cũng như vậy, bởi Phật đem hai chữ sắc tướng mà giải kỹ cho người nghe, bảo bỏ thính âm sắc tướng, tầm phép thanh tịnh mà tu để bỏ làm những việc thính âm, dầu có tu ngàn năm cũng như giấc chiêm bao vậy. Sách Trung-Dung nói: **Giải tận hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn.** Nghĩa là: Dè đặt chỗ chẳng xem thấy, sợ sệt chỗ chẳng nghe. Bởi người tu cần giữ, con mắt chẳng thấy vật ngoài mình, tai chẳng nghe lời luận biện để cho tâm tịnh, hể tâm tịnh thì đạo thành.

KỆ RẰNG: **Xá-lợi linh đơn vạn tượng không,
Ngoại trừ hình tướng khã hạ công;
Tam huê ngũ khí triều thiên thượng,
Khoái lạc tiêu diêu nhứt thể đồng.**

HỤU QUỐC ÂM:

Linh đơn một vật vốn không hình,
Các tướng tránh xa để giữ mình.
Năm khí ba bông châu trên đánh,
Tiêu diêu tự tại nhứt thần thông.

BÁT SANH BÁT DIỆT: Chữ bát sanh bát diệt đã qua thập ngoạt hoài thai tam niên nữ bộ, cửu niên diện bích. Bây giờ anh nhi năng xuất năng hiện, ra ngoài tam giới, thân ngoại hữu thân, huyền diệu không cùng, không còn tầm minh sư nữa.

BÁT CẦU BÁT TỊNH: Lời nói hóa thân, chỗ màu nhiệm, hình thể nhẹ nhàng trong sạch, ẩn hiện khôn lường. Đây là tối thượng thừa.

KỆ RẰNG: **Bát sanh bát diệt hiệu kim tiên,
Nhứt kỹ công hoàn thai tử thiên.
Danh vi diêu-trì thanh tịnh khách,
Thiên-địa hữu hoại độc vô biên.**

HỤU QUỐC ÂM:

Kim tiên chẳng diệt cũng chẳng sanh,
Chỗ một làm xong đạo mới thành.
Diêu-trì thanh tịnh thiên chi khách,
Trời đất tùy ta ý tung hoành.

BÁT TĂNG BÁT GIẢM: Bát tăng là chẳng thêm, bát giảm là chẳng bớt, đến đây đã siêu phàm nhập thánh, khó còn tăng giảm nữa.

THỊ CỐ KHÔNG TRUNG VÔ SẮC: Nói trong cái không có cái sắc, chỗ này nghĩa là: Luyện hư hườn vô, là số mười bốn chơn không luyện hình Thượng-thừa.

KỆ RẰNG: **Bát tăng bát giảm pháp thân thành,
Tự hữu tán linh vô sắc thính.
Vũ-trụ tuy hoàng nan thức thủ.
Thiên ngoại chi khách nhiệm tung hoành.**

HỰU QUỐC ÂM:

Bớt thêm, thêm bớt tại ý mình,
Có không, không có ở sắc thính.
Trời đất rộng thay không bó buộc,
Khoái lạc tự như chốn huỳnh đình.

VÔ THỌ TƯỚNG HÀNH THỨC: Không còn vung chui lời thầy dạy. Có câu: **Sắc sắc, hình hình tông thị không, ngộ đắc bốn lai vô nhứt vật, linh đài chỉ thị tại tâm trung.** Là nói hình sắc là đều không, phải biết đặng bốn tánh thì có một món báu ở trong huyệt linh đài.

VÔ NHÃN, NHĨ, TỶ, THIỆT, THÂN, Ý: Đến đây đã diệt được lục căn, không còn chi nghi ngại nữa.

KỆ RẰNG: **Vô tướng hành thức đạo tự mình,
Tặc tâm dĩ định tại huỳnh đình;
Vạn thù nhứt bốn qui chơn thể,
Long nữ hiện châu giá hạt tinh.**

HỰU QUỐC ÂM:

Không dung không tướng đạo tâm minh,
Sáu giác đem giao động huỳnh đình.
Muôn mặt gom về nơi chơn thể,
Rồng xanh dựng bảo hạc lai nghinh.

VÔ SẮC, THỊNH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP: Đến đây không còn phạm pháp giới nữa không còn đứng trong pháp giới muôn tượng đều không.

VÔ NHÃN GIỚI, NÃI CHÍ VÔ Ý THỨC GIỚI: Không sợ mắt thấy sắc, không sợ ý còn tưởng việc ngoài. Đây là số mười bốn, thượng thừa.

KỆ RẰNG: **Tiểu tiểu phòng trung khước bất đa,
Năng bào nhứt nguyệt cập sơn hà.
Kỳ trung hữu cá chơn tiên tử,
Bất nhiễm cầu trần thượng đại la.**

HỰU QUỐC ÂM:

Huỳnh phòng nhỏ hẹp dưỡng anh nhi,
Xuất định hào quang chiếu tử vi.
Hiện ra có một vì tiên tử,
Chẳng nhiễm mùi trần lễ thị phi.

VÔ VÔ MINH, DIỆC VÔ VÔ MINH TẬN: Hai chữ vô vô minh là còn ở khí hậu thiên bây giờ tu trở về khí tiên thiên. Đức Thế-Tôn có nói: **Tâm loạn vô vô minh.** Cái tâm loạn thời không bao giờ sáng. **Tâm tịnh diệt vô vô minh tận,** hễ cái tâm yên tịnh há không sáng khắp hết mọi chỗ đặng hay sao, đây là con số đại châu-thiên, thất nhứt thể dương tinh, số mười hai chỗ phân thanh biệt trược.

KỆ RẰNG: **Nhứt đối kim-quang chiếu ngọc hồ,
Lãng nhiên thái cực hiện hồng đồ;
Quang huy sáng lãng hườn vô thủy,
Tài thị nam nhi Đại trượng phu.**

HỰU QUỐC ÂM:

Kim quang chói sáng khắp ngọc hồ
Rõ ràng thái cực hóa hồng đồ.
Rực rỡ cung thêm đời vô thủy
Khôi ngô tốt đẹp đáng trượng phu.

NÃI CHÍ VÔ LÃO TỬ, DIỆC VÔ LÃO TỬ TẬN: Đến đây cũng không già không chết, bài này là nói tiếp câu trên. Người tu phải làm cho mạng qui căn đề, là tu tánh tu mạng.

Công phu quả mãn đặng thành xá-lợi kim-cang, thì không còn chết nữa. Tồi thượng nhưt thừa.

KỆ RẰNG: Lão Tử luân hồi vô liễu huu,
Cốt đôi sơn vạn mãn quang khuru;
Hỏa năng xuất tánh qui huyền khiểu,
Thiên ngoại tiêu điều tự toại du.

HỰU QUỐC ÂM:

Già chết luân hồi chẳng thể thôi,
Xương khô phơi trắng tự hờn vôi.
Nếu tu xuất tánh vào tổ khiểu,
Chẳng còn chất lười với than ôi.

VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO: là nói phải tập công phu, tu cho quả mãn, chùng liễu đạo rồi không còn khổ não nữa. Lão-Tử nói: **Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân, nhược ngô vô thân, hà hoạn chi hữu.** Ta vì có cái thân mới phải chịu cái khổ, bằng ta không có xác thân làm chi có khổ.

VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC: Nghĩa là: Không có trí sáng, không có trí sáng không bao giờ đặng. Có câu: **Tiên thiên đại đạo nãi siêu phàm nhập thánh.** Nghĩa là: Người tu theo đạo tiên thiên là bỏ bực phàm vào bực Thánh, muốn kiếp chẳng luân hồi. Người không trí-huệ tu sao đặng, chỗ này trung thừa số mười, mở chìa khóa làm nội tức.

KỆ RẰNG: Vô khổ tập công đại đạo thành,
Phục sơ chi tánh luyện thiên chơn.
Nhứt tương nguyệt tự công viên mãn,
Thê phát trường sanh tự tại chơn.

HỰU QUỐC ÂM:

Muốn cho thoát khổ tập công phu,

Sửa tánh gìn lòng chớ ngao du.
Ngày qua tháng lại công viên mãn,
Tiên phàm Phật Thánh tại người tu.

DĨ VÔ SỞ ĐẮC: Nói tiếp câu trên

CỐ BỒ ĐỀ TÁT ĐỒA: câu này nói về người tu muốn thành vị Bồ-tát phải dẹp bỏ lợi danh, mỗi việc phải nhìn nhận rõ, biết phải quấy tà chánh thì thành vị Bồ-tát. Đây thượng thừa số mười hai.

KỆ RẰNG: Thiên đàng địa ngục lưỡng đầu phân,
Chỉ thị nhơn tâm hướng ái ân;
Nhược hẩn tính thành tu nhị bát,
Công viên quả mãn thượng thanh vân.

HỰU QUỐC ÂM:

Thiên đường địa ngục có hai đàng,
Bời tại lòng người kết mối oan.
Nếu chịu hồi đầu tu hai bát,
Luyện thành của báu đến tây phang.

Y BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA CÔNG-PHU: Từ tam thể chư Phật cũng đều nương theo phép bát-nhã ba-la-mật đa công-phu mà đặng siêu tam giới, đượ vào quả vị Phật, Thánh, Tiên.

CÓ TÂM VÔ QUÁI NGẠI: Đến đây nói: **Nhơn tâm dĩ hóa, đạo tâm thường tồn,** không còn nghi ngại mới nói là vô khoái vô ngại. Đây là trung thừa số tám, số chín, ngũ ngũ nhì thập ngũ, lục lục tam thập lục.

KỆ RẰNG: Tàng bằng bát-nhã thể chơn diên,
Luyện đắc tiên thiên xuất hậu thiên;
Nhứt tứ nhì tam diên đảo hội,

Huyền châu chiếu dượt tại đường tiền.

HỤY QUỐC ÂM:

Còn nương bát nhã luyện hồng diên,
Bỏ trước tồn thanh khí Tiên Thiên.
Ngũ ngũ ngày đêm cho gặp gỡ,
Bửu châu chiếu sáng tại đơn điền.

VÔ QUÁI NGẠI: Chỗ này đã nói câu trên rồi.

CÓ VÔ HỮU KHỦNG BỐ: Nghĩa là: Không có sợ tai nạn nữa. Ông Hải Huyết thiền sư có nói: **Bất kinh bất huy đôn tâm quán nhứt ngạo khí tất thiên trung thành vạn cổ chi danh.** Nghĩa là: Chẳng sợ sét không kinh khủng, mảnh lòng sáng suốt như mặt nhứt, khí phách bao la trên không. Đặng thành muôn đời còn nêu danh. Nói rằng: Vô hữu khủng bố cũng có chỗ còn khủng bố là thân mạng bố thí. Như đức Không-Tử phải chịu ách ở Trần Thái, tuyệt lương bảy ngày, Phật Tổ phân thân xẻ thịt, chịu tai nạn. Khuru Trường Xuân tổ sư chịu chết đói bảy lần. Quan-Âm chịu nạn lửa đốt, Lương võ Đế nga tử đài thành. Đó từ thượng Thánh cao chơn còn phải bị tai nạn như vậy mà không ngã lòng thối chí, sau này đặng làm thầy làm tổ muôn đời. Người học đạo đừng sợ khó nhọc thấy chuyện khổ mà ngã lòng thì uổng công phu thuở trước. Đây thượng-thừa số mười bốn.

KỆ RẰNG: **Đơn tâm nhứt phiến nhiệm thiên nhiên,
Khủng bố hữu hà tại mục tiền;
Nhứt nguyệt vô tư bằng nghĩa chiếu,
Thành công vạn cổ đại kim tiên.**

HỤY QUỐC ÂM:

Tâm lòng trong sạch chẳng đảo điên,
Dẫu có đến đâu cũng chẳng phiền;
Trời đất không riêng lòng trung liệt,

Công thành đặng chứng quả Thiên Tiên.

VIỄN-LY ĐIÊN-ĐẢO MỘNG-TUỞNG: Nghĩa là: Lìa xa nghiêng ngửa bỏ việc mộng tưởng. Kinh Lăng-Nghiêm có nói: “**Nhuoc thuyết hữu giác, vô vọng ly huyền, ly huyền, ly ảo, diệt phược viễn ly.**” Nghĩa là: Nếu mình có thuyết pháp đem lý thuyết hữu giác là chưa đặng khỏi cái mộng huyền. Phải lìa xa cái mộng huyền mới đặng chữ viễn ly. Có câu: **Nhứt nhi tam, tam nhi nhứt, giai thành thử đạo,** phải tính một với ba là bốn, ba với một cũng bốn, biết đặng chỗ này là đạo thành.

Nho nói: **Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.** Nghĩa là: Không ý riêng không quyết đoán không chấp nhứt, không riêng ta.

Thích nói: **Vô ngã, vô nhơn, vô tăng, vô ái.** Nghĩa là không ta, không người, không ghét, không thương.

Đạo nói: **Vô tướng, vô danh, vô tri, vô sở.** Nghĩa là không hình tướng, không danh lợi, không hiểu biết, không cho yêu mến. Đó tam giáo chỉ có bốn chữ vô, nếu lìa bỏ được như vậy mới đến chỗ viễn ly.

CỨU-CÁNH NIẾT-BÀN: Nghĩa là: Xét rõ thấu cảnh Niết-bàn. Kinh Lăng-Nghiêm nói: **Tri kiến lập tri tức vô minh bốn.** Nghĩa là: Biết thấy hề nói thấy thì không sáng cái bốn tánh “**tri kiến vô kiến**” hề thấy mà nói không thấy mới thiệt cảnh Niết-bàn.

KỆ RẰNG: **Thê-ân tử-ái thị hà du,
Phú-quới công-danh tợ bào trừ;
Bất tính ngô ngôn năng tợ tĩnh,
Mộng trung hiệp nhãn giữ thì du.**

HỮU QUỐC ÂM:

Của cải vợ con dễ biết đâu,
Gánh chữ công danh phải chịu sầu.
Chẳng tin ta nói mau xét lại,
Chiêm bao nháy mắt có gì đâu.

TAM-THẾ CHƯ PHẬT Y BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-

ĐA: Nghĩa là: Nho, Thích, Đạo, Tam-giáo đều nương theo phép bát-nhã-ba-la-mật-đa này mà đặng ra khỏi biển khổ.

Đây là đức Quan-Âm nhắc lại đôi ba lần cho những người tu hành tin theo đó mà tu. Đây là **tối** thượng thừa.

KỆ RẰNG: **Chúng Phật thành chơn Tam-giáo đồng,
Qui căn phục mạng chấp kỳ trung;
Phê âm cứu cảnh đơn tam phẩm,
Hiệp hòa nhứt xứ đạo xương long.**

HỮU QUỐC ÂM:

Ráng công tu luyện chứng quả đồng,
Tánh mạng gom về ở giữa trong;
Xét thấu âm-dương đơn ba bậc,
Đem vào chơn ý ở huỳnh-phòng.

CỐ ĐẮC A-NẬU-ĐA-LA TAM MIỆU TAM-BỒ-ĐỀ:

Giác-Chơn-Tử có nói: **Thử ngôn âm tận dương sanh vạn khí triều tôn, danh vi đại dược.** Là nói: Khí âm dứt, khí dương sanh, muốn khí gom về gốc, dùng đó mà nấu kim đơn. Nghĩa: A-nậu-đa-la như vậy đó. Tam diệu nghĩa là: Tam huê trụ đánh, tam bồ-đề nghĩa là: Ngươn tinh, ngươn khí, ngươn thần. Đến đây ba báu đã gom về một đặng thành Phật, Thánh, Tiên, chỗ này là trường sanh, gọi là tam diệu tam bồ đề. Chỗ này là tối thượng nhứt-thừa.

KỆ RẰNG: **A-nậu chí thời đạo khí sương,
Tam diệu đồ đề mắng thân hương.
Trường sanh bất tử du thiên ngoại,
Tát-khách tiêu diêu tại Tây phương.**

HỮU QUỐC ÂM:

Đúng giờ hái thuốc đạo mới thành,
Ba báu gom về biết trực thanh;
Một dương sơ động nơi huyền khiêu,
Hiểu đặng chỗ này mới trường sanh.

CỐ TRI BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA: Là nói cho biết phép tu bát-nhã đã hoàn toàn.

THỊ ĐẠI THẦN CHÚ: Câu chú này không phải thần chú của thầy phù thủy, không phải thần chú của Ông Thần, Ông Thánh đâu. Hồi đời Hồng Mông chưa phân có đức Ngươn Thi Thiên-Vương hóa thần nhơn lạc về khí hậu thiên phải chịu sanh sanh hóa hóa, ngày nay mình muốn tu phẫn bản trở lại khí Tiên thiên cho đặng Tam Miếu Tam bồ đề là quê xưa cảnh cũ không còn trôi nổi nữa. Đây là thượng thừa số mười ba. Ôn dưỡng.

KỆ RẰNG: **Tri đắc ba la tánh tự qui,
Hà-quang giảng đạo tử vi qui.
Tức thần hiệp vận hườn khí tự,
Linh đơn khai xuất kiến anh nhi.**

HỮU QUỐC ÂM:

Cam lồ của quý để nuôi ta,
Thanh Khí bao che khắp cả nhà.
Gom thần đình tức nơi huyền khiêu,
Đưa bé trong phòng mới bước ra.

THỊ ĐẠI MINH CHÚ, THỊ VÔ THƯỢNG CHÚ, THỊ VÔ ĐẲNG ĐẲNG CHÚ: Trong Ngọc Hoàng tâm ấn kinh có nói: “Chín lỗ đều không trong mình ta đặng sáng suốt.” Nghĩa thị đại minh chú là không còn câu chú nào nữa. Ông Tam Phong đạo Nhơn nói: “**Thân tức càn khôn vật ngoại cầu, hư linh nhứt khiếu tối thâm u**”. Nghĩa là: Trong mình ta có trời đất, có khí âm, khí dương khởi đi ra ngoài tìm, trong mình ta có một lỗ kêu là hư linh rất sâu xa màu nhiệm. “**Nhị tam tự hứa đồng vi lữ, nhứt tứ hà nghi giữ cọng trừ**”. Nghĩa là, hai với ba là năm để làm anh em bạn, một với bốn là năm không còn hồ nghi nữa. “**Ngũ ngũ kiên trung tư phát dục, tôn phong nhứt xứ định can nhu**”. Câu ngũ ngũ là năm con số năm đó là hai mươi lăm, ở trong phòng huỳnh bà nuôi dưỡng cho ngọn gió tôn thổi vào cho có lửa hỏa hầu đặng nấu thuốc, “**Tự lòng thức đắc hườn huyền diệu, lục lục cung trung xuân phục thu**” ... sáu con số sáu là ba mươi sáu ở trong mô-kỷ-thổ, chỗ này huỳnh bà ở bây giờ đã hết xuân đến mùa thu, chỗ này nói về hái thuốc nấu đơn, đây là số tam số chín là tiểu châu thiên trung thừa.

KỆ RẰNG: **Chú thượng phân minh lý thậm đa,
Phục sơ phản bốn chiếu ngân hà;
Dược miêu tam phẩm đơn thành thực,
Trường dưỡng anh nhi tại bốn gia.**

HỤU QUỐC ÂM:
Nếu muốn phân minh chú diệu huyền,
Hỏi đầu đặng thấy cảnh tự nhiên.
Phải lo nước lửa nồi nấu thuốc,
Ngồi đứng trông nom chỗ Phật Tiên.

NẶNG TRỪ NHỨT THIẾT KHỔ ÁCH: Bởi vì ông Phật là đại-từ, đại-bi thấy chúng sanh chịu khổ, nào là: Sanh, lão,

bệnh, tử, trong bốn cái khổ này mình muốn ra khỏi thì phải tìm con đường giải thoát mới trừ đặng việc khổ ách.

CHƠN THIỆT BÁT HƯ: Là lời nói chơn thiệt không bao giờ hư, hạ thừa.

KỆ RẰNG: **Tâm kinh tự tự diệu ni huyền,
Dục đắc tàng bằng chí khí kiên;
Năng thức hồng diên thiên thủ pháp,
Hà quang nhứt đạo yết tam Thiên.**

HỤU QUỐC ÂM:
Mỗi chữ Tâm kinh nghĩa nhiệm màu,
Học Phật hỏi người xét hiểu sâu;
Mấy tạo Âm Dương không phải một,
Biên khổ không bờ biết ghé đâu.

CỔ THUYẾT BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA CHÚ: Tam giáo cũng cho mình biết có bát-nhã ba-la-mật-đa là quý báu vậy.

TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT: YẾT ĐẾ, YẾT ĐẾ: Chữ Yết-đế nghĩa là: Mở, mở chỗ diệu-đế, chữ đế là cái dấu, cái dấu huyền diệu của đạo, chữ đế như là cửa ải, muốn ra khỏi ba giới thì phải mở cửa này mà qua mới được. Nghĩa câu yết-đế yết-đế như vậy. Như Tam-giáo xưa kia cũng lấy theo chỗ này mà ra khỏi ba giới. Đây phải tầm minh sư, khẩu khẩu tương truyền mới đặng. Thầy Tử-Cống có nói: **Phu-Tử chi văn chương, khả đắc văn giả, Phu tử chi ngôn, táng giữ thiên đạo bất khả đắc văn giả.** Nghĩa là: Văn chương của đức Thánh nói thì ta đặng nghe vậy, còn lời nói thiên thánh và nói đạo thì ta chẳng đặng nghe vậy.

Thật quyền tâm kinh nhiều chỗ huyền-vi rộng lớn, quý hiền có xem quyền kinh này có chỗ nào không hiểu, hay còn hồ nghi, xin quý hiền đến chùa KIM-QUANG thì có ông Cao-Hồng-Liên thiên-sư, người giảng dạy Tiên Thiên Đại-Đạo, hỏi thì người chỉ cho, vì kinh này chỉ chỗ tham thiền nhập định sắp đầu có thứ lớp, không phải để tụng bỏ khuyết đầu. Thượng thừa số mười ba. Ôn-dưỡng.

KỆ RẰNG: Tâm kinh đặc đạo quảng vô-biên,
Tín giả tiên tu đạo hạnh tiên.
Năng đạt kỳ trung chơn diệu lý,
Huyền quang khiêu nội dưỡng chơn thiên.

HỮU QUỐC ÂM:
Tâm kinh độ chúng thật vô-biên,
Tín-sĩ khá tua kíp lên thuyền.
Muốn dùng của quý cần học hỏi,
Tổ khiêu huyết này chuông Phật Tiên.

BA LA YẾT ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾT, BỒ ĐỀ TÁT BÀ HA: Là phải làm cho âm-dương điên đảo. Câu ba-la yết-đế là bỏ khí hậu thiên trở về khí tiên thiên. **Bồ-đề-tát-bà-ha**, câu này là: Đã về tới cội gốc của đạo, đến đây có đơn thơ tới rước. Thoát khổ hườn hương là bỏ cái sự khổ trở về xứ cũ tức là Cực-Lạc. Tiên-đồng Ngọc-nữ, các vị Bồ-tát đến rước cửu huyền thất tổ đồng về xứ Cực-Lạc đời đời vui vẻ.

Câu bồ-đề-tát-bà-ha nghĩa như vậy đó.

KỆ RẰNG: Ba-la-yết-đế tổng do tâm,
Học đạo hà tư hướng ngoại tâm;
Bát bửu luyện thành kim tượng thể,
Tam ngươn hiệp nhứt tại Lôi-Âm.

HỮU QUỐC ÂM:

Tóm lại việc chi cũng bởi tâm,
Phật Tiên tại đó chẳng xa tâm.
Tám bửu luyện thành người vàng ngọc,
Ba ngươn hiệp lại tới Lôi-Âm.

ĐẾN ĐÂY LÀ TRỌN BỘ TÂM-KINH

--oOo--

Tôi đây là Cao Minh Thiên-Sư người giải nghĩa quyền Tâm Kinh này xin quý hiền có xem hãy chậm rãi, suy nghĩ, đọc đi đọc lại năm mười lần, mới hiểu lời nói chơn thật của đạo và biết chơn lý của quyền Tâm Kinh. Đọc mau không suy nghĩ, thời quyền kinh nào như quyền kinh này thì vô ích.

Thật là tôi có học lếu láo năm ba chữ mà viết hoài, viết cho đến hết giấy, ngồi viết khô mà giải nghĩa cũng không cùng tột, chữ tam, chữ ngũ.

Quý hiền nên nhớ chữ Tam: Hồi đời quá khứ có Tam thế chư Phật. Gọi là: Tam giáo. Phật cho là tam-qui, tam-bửu, tam-muội. Nho nói: Tam-hoàng, tam-cang, tam-giái. Lão nói: tam-ngươn, tam-âm, tam-dương, tam-huê, tam-gia, tam-đồ. Đó chữ tam bao nhiêu đó mà chưa hết, đến chữ ngũ. Phật nói: Ngũ-giới, ngũ-uân. Nho nói: Ngũ-thường. Lão nói: Ngũ-khí, Trời thì: Ngũ-hành, ngũ-sắc, người thì: Ngũ-cốc, ngũ-tạng. Các chữ ngũ không sợ, chỉ sợ có chữ ngũ-tạng của con người, trong ngũ-tạng có một tạng tâm. Ôi thôi! Anh này khó quá, việc phải ảnh làm ra quấy, việc quấy ảnh làm ra phải thiệt là xảo quyệt. Anh tâm này dầu người tài giỏi đến đâu cũng khó tả bề trong của ảnh đặng. Khổ a! Trong năm tạng lại sanh ra anh tay, anh chân, mỗi anh đều có năm ngón, thật anh năm này còn khó hơn ai hết. Anh năm này

đáng sợ, hễ đồ ai để hở ảnh rờ tay đến là món ấy biến mất, còn anh năm chân, anh này thật hay, hễ ảnh thấy anh tay lấy đồ vừa mang gói lên vai thì ảnh nhảy một cái, dẫu có bao nhiêu người theo cũng không kịp.

Quý hiền thấy chưa, thôi sẵn đây tôi tả thêm bốn anh nữa. Anh mắt thì nói không nổi, anh này thấy con gái người ta hơi đẹp ảnh ngó ảnh liếc qua một cái, chẳng biết tại sao cô gái ấy ôm gói đi theo ảnh mắt. Tới anh tai, ảnh ở lại để nghe coi có ai cười chê không, nếu có thì anh xúi anh miệng chửi người ta không ngớt. Còn anh lưỡi nữa, anh này còn kiêu cách lắm, ảnh đến nhà người ta nấu cơm cho ảnh ăn, hơi không ngon ảnh biau miệng anh miệng nói mấy bà này hư quá, nấu lạt nhách, không nêm đường để đắng nghét, ăn không ngon lành gì hết thiệt là đồ hư.

Quý hiền coi đó một anh năm mà còn như vậy, nếu kể hết, chịu sao nổi. Ôi! Phật Ngài thương tất cả nhơn sanh, Ngài muốn cho nhơn sanh đều ra khỏi biển khổ, nên Ngài biểu tu, biểu dẹp bỏ sắc tướng, bị chữ sắc có chữ đao ở trên, là cây đao giết người. Chữ tướng có chữ mục là con mắt để xem sắc lịch, người ta dẹp không đặng phải làm chúng sanh đời đời kiếp kiếp. Bởi trong kinh có câu: Vô nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Thôi hãy nghe bài kệ này:

**Tu là cội phước, tình gây oan,
Đeo đuôi làm chi phải lạc đàng;
Sắc tướng vẽ vôi là mộng huyền,
Thinh âm dẹp được đến Tây-phang.**

Kệ rồi lại nói: Đây là kỳ chót, sao quý hiền không tầm đường chánh mà giải thoát, để bo bo hội hàng, tựu họp, tụng kinh cúng dường, tưởng mong cầu giải thoát, tôi sợ e chẳng đặng như lời, từ xưa đến nay mỗi đơn thơ có nói: Ông tu

ông đắc, bà tu bà đắc, không ai tu giùm cho ai đặng. Làm phước cũng vậy. Người tu phải cần thanh tịnh, tịnh cho cái tâm không động, tâm không động là thấy tánh, thấy tánh là thành Phật. Ôi một giờ công phu tụng kinh tới hai ba chục người làm sao tịnh đặng, nếu mình muốn tu theo pháp môn tịnh độ, mình niệm Phật cũng chờ cho người ta đi vắng mình mới ngồi niệm Phật thì mới đặng tịnh. Tịnh cho đặng mới sanh về cõi tịnh độ. Chữ tịnh là tâm tịnh, chữ độ là đất Phật, không tịnh không bao giờ sanh về đất Phật đặng. Quý hiền mình muốn đi tu phải học cho hiểu thấu chơn lý của đạo phải nhìn nhận lẽ chánh nẻo tà. Lời nói trong kinh chẳng phải ông Phật nói hết thiên kinh vạn quyển đâu. Cũng nhiều thuật-sĩ viết thêm, nếu mình xem kinh mỗi câu đều tin hết đó là cổ chấp kinh sách.

Bởi đức Không-Tử nói “**Tam nhơn đồng hành tất ngã hữu sư yên**”. Ba người đồng đi ắt có thầy ta theo vậy. “**Trạch kỳ thiên nhi tùng chi**”, biểu mình chọn người lành mà theo. Đó kinh sách thật là thầy ta những lời lành lời phải là thầy, chỗ không phải là chẳng phải thầy ta .

**KỆ RẰNG: Kíp mau tỉnh giác chớ nằm co,
Chậm bước rồi e trễ chuyến đò;
Có lẽ ngàn năm qua rước khách,
Lỡ kỳ đầu đến cũng không cho.**

Kệ rồi lại nói từ khi đạo ra đời, đến đây sắp cuối Hạ ngươn thương thay chín mươi sáu ức chơn linh hãy còn chìm đắm trong bể khổ. Hại thay bởi vì chơn linh không tự tỉnh xét đoán cho kỹ càng cứ lấy giả làm chơn, dùng thính âm cho là chắc chắn, đem hết cái tinh thần gởi cho sắc tướng, dẫn tánh mạng giao cho ba cuốn kinh, mặc cho nó dặt đi. Có câu. “**Ngô khuyến học hậu cao hiền thiết, nghi tử tế ngã kim tận thuyết phá**”. Nghĩa là: Ta là Quan-Âm khuyên cả hậu

học và cao hiền phải chính chắn dè dặt xét đoán cho kỹ mới biết lời nói ta chơn thật, “**Thuyết phá hựu bị nhơn tắng**”. Hễ ta nói ngay bị người hờn giận. “**Trí giả chi thị cam lộ chi ngôn**” người có trí sáng biết lời nói của ta ngon ngọt như là nước cam lồ. “**Mê giả phản thành độc dược**”, kẻ tối tâm nghe lời nói của ta cho là thuốc độc. “**Sai chi hào ly thất chi thiên lý**”, người tu sai một mảy lông nó trật xa ngàn dặm. Ô hô. “**Thiên tịnh nhứt đầu xuất, võ hạ địa thượng thấp**”, than ôi! Trời êm không mây, mặt nhứt chói sáng, còn mưa dầm dề trên mặt đất ướt át. “**Tận tình đa thuyết phá chỉ khứng tính bất cập**”, ta hết lòng đem lời nói ngay sợ người tỉnh không kịp mà trở lại giận ta. Hãy nghe bài kệ:

**Cuộc đời phải quấy tính là hay,
Đạo có thiệt hư cung đôi bài;
Tiếc bậy tụng kinh không hiểu nghĩa,
Làm chi thấy đặng đức Như-Lai.**

Kệ nói đây là một thang thuốc hay lắm để cứu người đau bệnh trái tim uổng đi uổng chắc mạnh liền. Đến đây xin quý hiền nhớ tôi chỉ con số tâm kinh, chỗ nói Phật tức tâm, tâm tức Phật để quý hiền cứ làm Phật bằng miệng hoài. Thôi coi đây nè: Niệm Phật, trước hết phải ngồi tham thiền, ngồi kiết già, bắt ấn tam muội, day mặt ngó ngoài chỗ không khí, ngó ngay cây nhang. Một hồi nhắm mắt lại chờ cho khỏe, đem hơi vô cho nhẹ, đầu hơi tính chữ **Nam** hơi vô một chút tính **Mô** tới chữ **A** chữ **Di** chữ **Đà** chữ **Phật**, chữ Phật vô tâm rồi thở ra nghỉ, rồi khởi niệm như nói trên, niệm từ mười phút thì nghỉ, nghỉ rồi phải làm ngoại đơn là thể thao. Người ta ăn chay không làm ngoại đơn thì xanh-xao, còn biết làm nó lướt máu cho sạch. Cùng quý hiền: Ở sau quyển sách tôi có vẽ cái đồ hình để chỉ rõ chỗ niệm Phật. Thời hãy nghe bài kệ này:

**Tham thiền học Phật chẳng xa đâu,
Thùng thẳng dò lần đến hang sâu.
Khởi niệm cũng đừng cho mau chậm,
Chữ Phật vào tâm mới nhiệm màu.**

Kệ rồi lại nói “**Kim hữ dục khoái lạc, nhơn thiên nhi bất tu phước đức, dục ly sanh tử nhi bất niệm Phật.**” Nghĩa là đời nay cũng có nhiều người muốn đặng vui vẻ làm khách ngoài Trời mà chẳng dùng làm phước đức, cũng có người muốn lìa khỏi biển sanh tử, mà không chịu tu hành niệm Phật. **Thị du điểu vô dục, nhi dục phi mộc vô căn, nhi dục mậu hề khả đắc ta.** Ví như con chim không cánh mà muốn bay cho cao, cây không gốc rễ mà muốn cành lá sum-sê đâu có đặng. Quý hiền nếu muốn tu: Điều thứ nhứt phải lập công bồi đức, phải tác phước thiện duyên cũng như mình muốn cất cái nhà, trước phải đúc nền cho chắc, nếu nền không chắc, cất lên rồi nó sập mới làm sao? Ôi! miệng nói tu, tu hồi á! Tu cái gì, cái tâm còn quá chừng, nói không nổi, vậy mà cũng đòi sanh về cõi tịnh-độ, tôi chẳng biết ở xứ tịnh-độ có người ấy đặng bao nhiêu, nếu mà đặng đông người thì cõi tịnh-độ thành ra biển tịnh-độ. Thật là khó thay! Khó thay. Hãy nghe bài kệ này:

**Tịnh độ hãy còn đợi khách xa,
Thuyền buồm chực sẵn có đưa qua.
Dữ lạnh miễn xuống ngồi đủ chỗ,
Chèo ngay cho đến mặt diêm-la.**

Kệ rồi lại nói “Việc tu hành dẫu mà có viết muôn kinh ngàn sách cũng chỉ một chỗ tu, biểu đừng làm tướng”. Phật Ngài đem hết lời khuyên người biểu dẹp sắc tướng, nếu dẹp đặng sắc tướng thì đạo thành, bằng còn làm sắc tướng, dẫu có cất một muôn cảnh chùa, tụng kinh một ngàn năm chúng sanh cũng ra người thế tục, cất chùa, tụng kinh là người giữ

đạo Phật cho còn, việc tu hành mà cầu cho giải thoát thì còn cách xa nhau không biết bao nhiêu. Thiệt mấy ông này tu coi bộ tốn tiền quá, nếu mình tốn tiền thì phải làm tiền, hỏi vậy mình thành Phật rồi có đem tiền theo đặng không? Có tiền chớ. Tiền là tiền khiên nhờn quả chớ ông Phật đâu có dùng tiền, bên Tây-phương vàng thiếu gì. Thôi hãy nghe bài kệ này:

**Người tu thành Phật lẽ cố nhiên,
Tín sĩ khá tua kíp lên thuyền.
Từ đây chẳng lo bè trôi nổi,
Hạc chờ rước khách đến cung Tiên.**

--oOo--

MƯỢN CẢNH NÚI TU HÀNH THI

LIÊN HUỒN:

**Ở non phong cảnh khí ôn hòa,
Tuyết phủ cảnh tông tựa khóm hoa.
Bóng ác dọi xem màu lá thắm,
Trời chiều hiu hắt để ngâm nga.
Dưới gành chim nhạn bay về tổ,
Trên đỉnh vượn hầu tiếng ó la.
Danh lợi từ đây ta quét sạch,
Mượn thuyền bát nhã đến ma ha.**

HỰU LIÊN HUỒN:

**Ma-ha chẳng phải chốn non Tàn,
Vào ẩn đòi mài cái xác thân;
Bổn phận tu-mi cho đáng mặt,
Đốc đèn bốn thảo vẹn mười ân.
Bạn cùng cảnh vật vui mùi đạo,**

**Thích hiệp câu kinh nhứt nhứt tân;
Sớm dựa cội tùng lòng dứt tục,
Tối vào trò chuyện với chủ nhân.**

HỰU LIÊN HUỒN:

**Chủ nhân khuyên dứt chớ ngoại tâm,
Phật ở lòng người chỉ thậm thâm.
Quanh quần dưới trên không sau trước,
Hùm ra khỏi núi thấy rồng ngâm.
Ngươn thần soi sáng huỳnh bà động,
Dẫn khí ra vào chỗ đạo tâm.
Hễ tịnh ở mô thì cũng tịnh,
Cần gì tâm đến chốn sơn-lâm.**

HỰU LIÊN HUỒN:

**Sơn-Lâm đặng pháp của thầy truyền,
Mượn cảnh ta ngồi luyện hồng-diên.
Sớm tối chăm nom gìn chỗ một,
Ngày đêm lui tới chốn đơn-diên.
Chín năm mắt ngó nơi huyền-khiếu,
Mười tháng thai hoài dạ mới yên.
Trên đỉnh sương lòng mây nhấp nhô,
Dưới chùa mở cửa thấy chơn Tiên.**

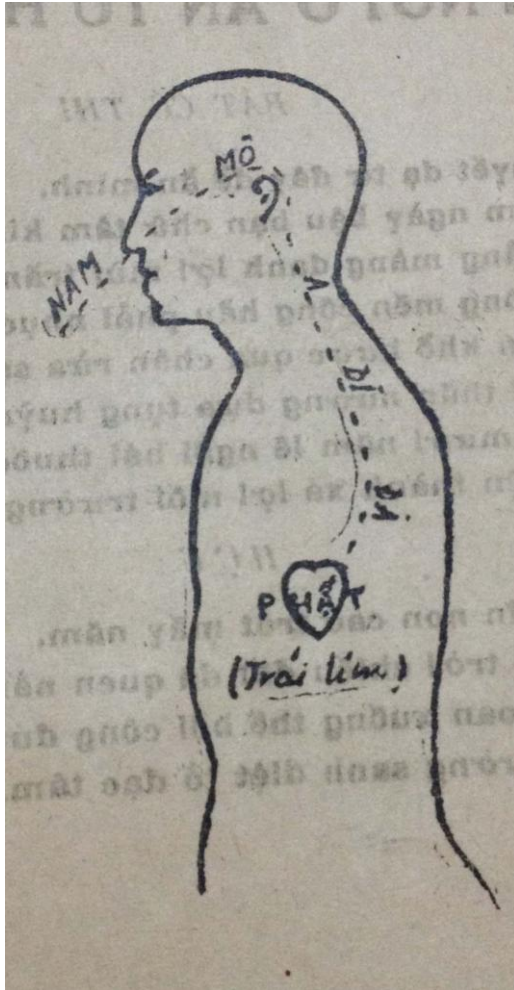
Bốn bài thi này, tôi chỉ rõ chỗ hành đạo từ thất-nhứt-thê-dương-tinh lên đến số 15 (thượng thừa).

Quý hiền ai muốn tu cần đọc bốn bài thơ này thuộc lòng, suy nghĩ cho kỹ rồi tâm minh sư chỉ dẫn, tu như vậy mới đặng.

CAO MINH THIỀN SƯ.

Đây là đồ hình chỉ ngay con số 1, niệm “Tâm-Kinh” niệm Phật như vậy mới trúng. Phật nói “Nhược ngộ thử pháp,

nhứt niệm tâm khai”. Nghĩa là các người biết đặng phép niệm Phật của ta một lần niệm thì con đường đạo tâm mở.



**Tâm kinh chỉ rõ mối diệu huyền,
Chuyển tà qui chánh mới là yên.
Hụt chân phân biệt lòng bác ái,**

Nháy mắt vừa qua đến cửa tiên.

--oOo--
CAO-HÔNG-LIÊN THIÊN-SƯ
KIM-QUANG-TỰ
--oOo--

TÌM NƠI Ở ẨN TU HÀNH THI

BÁT CÚ THI

Quyết dạ từ đây để ẩn mình,
Đêm ngày bậu bạn chữ tâm kinh.
Chẳng màng danh lợi mùi trần tục,
Không mền công hầu phải nhục vinh.
Biển khổ bước qua chân rửa sạch,
Non thân nương dựa tụng huỳnh đình.
Hai mươi năm lẻ ngồi hái thuốc,
Luyện thành xá-lợi mỗi trường sinh.

HỮU:

Lão ẩn non cao trót mấy năm,
Màn trời chiếu đất đã quen nằm.
Nay toan xuống thế bồi công đức,
Chỉ đường sanh diệt tỏ đạo tâm.

HỮU

Tay xách gươm linh đạo Ta bà,
Tầm người thiện khách kiếm không ra.
Chính có hai người danh với lợi,
Thiệt kẻ thiện tâm ít lắm mà.

HỮU:

Hỡi người học đạo chớ kiếm đâu,

Học hỏi minh-sư đặng thính cầu.
Chỉ nẻo luân hồi phân tỏ rõ,
Đường về Cực-Lạc tại nơi đâu.

HỮU:

Cư trần chẳng nhiễm tại nhân minh,
Hằng ngày xem xét lỗi nơi mình.
Thấy đặng cái không rồi không nói,
Xây vắn nhứt nguyệt chiếu hải tinh.

CAO-HỒNG-LIÊN

**NI-CÔ DIỆU-ĐỨC
BÁT CÚ THI**

Dao giả nguyên nhân tại kim bàn,
Xúc tâm vọng niệm mới gian nan.
Hồi đầu giác-ngộ mau hồi hướng,
Chơn tâm định niệm có lên đàng.
Điều-trì thân mẫu đang trông ngóng,
Nhấn nhủ đôi phen phóng đạo tràng.
Hồi này con trẻ mau trở gót,
Mỗi lòng trông đợi luồng sâu than.

NI-CÔ DIỆU-ĐỨC

Động đá bấy lâu dốc ắn mình,
Cội tông tu tập huệ tân sinh.
Tương rau hầm hút cho qua bữa,
Giác tánh qui thân đạo mới minh.
Lời nguyện khi xưa nay quyết trả,
Mong đèn on Phật chỉ chơn kinh.
Dìu dắt nhơn sanh vào bửu ngạn,
Còn chờ Tiên hạc đến tiếp nghinh.

HỮU:

Giả danh danh giả thật nhộn nhàng,
Buồn cười cuộc thế thật ngổ ngang.
Gheo đời không gheo toan gheo đạo,
Phân biệt tỉnh mê giấc mộng tràng.

HỮU:

Tánh đạo xưa nay vẫn khó tầm,
Lục trần toan dẹp rõ cao thâm.
Pháp mầu chỉ rõ đường sanh diệt,
Đắc ngộ chơn như sáng tỏ rằm.

**THI NÀY CỦA SƯ HUYNH CAO-THIỆN-DUYÊN
BÁT CÚ THI**

Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiện chơn,
Muốn phá vô minh chí dễ sờn.
Trước toan trừ hết lòng phiền não,
Phủi bỏ không còn việc thế nhơn.
Phú quý công danh toàn giả tạm,
Ham chi sự thế tạo nhơn duyên.
Chí tâm dục đáo Bồ-Đề lộ,
Thiền định vô hà nhứt pháp chơn.

HỮU:

Công danh tại thế tựa phù vân,
Phú quý trời dành sẵn định phân.
Bằng ai phủi bỏ không còn vật,
Tây phương nhẹ bước tựa đặng vân.

HỮU:

Chí dốc tu hành phé công danh,
Cần chi việc thế phải đua tranh.

Niết-bàn lộ thượng mau nhẹ gót,
Một kiếp công thành tạc sử xanh.

**DIỆU HẢO
CÔ NI BIẾT TU CHỚ KHÔNG BIẾT CHỮ**

Sẵn có ân-sư chỉ dẫn đường,
Lo chi cuộc thế máy tang thương.
Mở đường trí huệ xây nên nhịp,
Đem đạo từ-bi bủa bốn phương.
Biển khổ minh-mông còn có đáy,
Thuyền sen bát nhã vẫn không lường.
Giúp đời bao quản lời phi thị,
Trên có cao dày đứng chủ trương.

HỮU:

Mùi đạo rất hay lấp nổi sầu,
Nợ trần xa lánh khổ còn đầu.
Ngọn thuyền bát-nhã mong qua bể,
Nương gậy kim cang đến sơn đầu.
Từ đáy lợi danh đà phỉ sạch,
Dốc lòng kiếm ngọc với mờ châu.
Diệu huyền đạo lý ơn thầy dạy,
Cực-Lạc là đây hết nổi sầu.

THIỆN HẠNH TẶNG NHON

Mười năm tầm đạo chẳng thấy chi,
Nay đặng gặp thầy chỉ nẻo đi.
Được lời khâu khuyết hơn vàng ngọc,
Yên tâm bước đến chẳng còn nghi.

HỮU:

Cao thâm mùi đạo mới gặp toàn,

Thiện chí phỉ ròi nợ trái oan.
Hạnh dứt xử tròn câu hiếu nghĩa,
Quang minh đường cả thâu Tây-phang.

CHÍ THIỆN TẶNG NHON

Trần gian chớp nháng há lâu dài,
Mê đắm việc đời để quá sai.
Bồi mên công danh mùi phú quý,
Chơn linh đọa lạc chôn trần ai.
Lặn hụp biển mê sao không tỉnh,
Lại gây tội lỗi quá nghiệt tai.
Tỉnh giấc hồi người mau giải thoát,
Tầm đàng trở lại cảnh Thiên-Thai.

HỮU:

Cao thay mỗi đạo rất diệu huyền,
Chí thành quyết đến viếng non Tiên.
Thiện căn may gặp nên đại đạo,
Chơn kinh định niệm rõ cơ huyền.

THIỆN-NGHĨA ĐẠO NHỎ TẢ CẢNH NON

Ở non phong cảnh thật tốt tươi,
Dưới đất trăm huê ướm miệng cười.
Trên đánh đôi bầy chim lẳng lú,
Trời chiều lá úa sắc vàng tươi.

--oOo--